

Bản án số: 25/2019/HSST

Ngày 20/6/2019

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Chính Vĩnh và bà Hoàng Thị Ty

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án huyện Q.

Đại diện VKSND huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Thào Lịch Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST - HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Là Văn T**, sinh năm 1961; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Công chức - kế toán xã M; Trình độ học vấn: 7/10; Đảng phái đoàn thể: Đảng viên; đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Dân tộc: Thái; Con ông: Là Văn Th và bà Lò Thị Th; có vợ là Lò Thị D có 04 con, con lớn nhất 37 tuổi, con nhỏ nhất 32 tuổi.

Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đại diện lãnh đạo Kho bạc huyện Q: Ông Ninh Quang Đ - Phó giám đốc Kho bạc huyện Quỳnh Nhai, có mặt;

- Anh Lò Văn D; sinh năm 1981; Trú tại: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt;

- Ông Bạc Cầm D; sinh năm 1970; Trú tại: Bản C, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Anh Hoàng Việt P; sinh năm 1983; Trú tại: X2 xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Ông Lò Văn P; sinh năm 1957; Trú tại: X3, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Bà Lò Thị D; sinh năm 1962; Trú tại: Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Anh Lò Văn H; sinh năm 1968; Trú tại: Bản I, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt.
- Anh Lò Văn P; sinh năm 1982; Trú tại: Bản C, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt.
- Anh Quảng Văn T; sinh năm 1982; Bản M, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02 năm 2018 Là Văn T lợi dụng chức vụ quyền hạn là công chức kế toán xã M, huyện Q Là Văn T đã có hành vi lập 10 (mười) hóa đơn, chứng từ khống để rút và chiếm đoạt số tiền 137.312 000đ từ nguồn ngân sách của UBND xã M, nhằm sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vật chứng thu giữ: Đoàn thanh tra huyện Q tạm giữ số tiền là 115.800 000đ, (thu tại nhà Là Văn T)

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Là Văn T; sinh năm 1961, là công chức kế toán xã N, huyện Q được điều động nhận công tác kế toán tại UBND xã M từ ngày 01/10/2017. Vào cuối tháng 12/2017 lợi dụng chức vụ là công chức kế toán xã M, T thấy sắp hết năm 2017 nhưng ngân sách của UBND xã còn tiền nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân. T đến gặp và nhờ 02 cửa hàng là: Lò Văn P địa chỉ: X 3, xã M, huyện Q và cửa hàng Hoàng Việt P địa chỉ: X2, xã M, huyện Q để lập hóa đơn khống mua văn phòng phẩm chuyển tiền từ ngân sách của xã M vào tài khoản của 02 cửa hàng này và nói với 02 cửa hàng sẽ trích lại 04% giá trị số tiền trên hóa đơn để 02 cửa hàng nộp thuế và cả 02 cửa hàng nhất trí. Sau đó cửa hàng Lò Văn P lập khống 03 hóa đơn với tổng số tiền là 46.618 000đồng, cửa hàng Hoàng Việt P lập khống 07 hóa đơn với tổng số tiền là 90.693 000đồng. Nhận 10 hóa đơn đơn khống tiền văn phòng phẩm, T lập hồ sơ, chứng từ đề xuất chủ tịch UBND xã ký xác nhận vào hợp đồng, chuyển cho kho bạc Nhà nước huyện Q làm căn cứ cấp tiền chuyển khoản cho 02 cửa hàng (*T báo cáo với chủ tịch D là căn cứ vào nhu cầu văn phòng phẩm IV năm 2017, D không biết T lập khống chứng từ để rút tiền với mục đích tư lợi cá nhân*). Với tổng số tiền là 137.312 000đồng.

Các ngày T lập giấy rút dự toán ngân sách, chuyển tiền vào các cửa hàng như sau:

- + Ngày 27/10/2017 chuyển cho cửa hàng Lò Văn P số tiền 11.800 000đ
- + Ngày 16/01/2018 chuyển cho cửa hàng Lò Văn P số tiền 19.900 000đ
- + Ngày 23/01/2018 chuyển cho cửa hàng Lò Văn P số tiền 14.918 000đ
- + Ngày 19/10/2017 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 4.500 000đ
- + Ngày 24/11/2017 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt Phương số tiền 1.002 000đ
- + Ngày 14/12/2017 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 24.000 000đ
- + Ngày 19/12/2017 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 25.500 000đ
- + Ngày 15/01/2018 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 19.880 000đ

+ Ngày 26/01/2018 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 10.286 500đ

+ Ngày 16/01/2018 chuyển cho cửa hàng Hoàng Việt P số tiền 5.524 500đ.

Ngày 05/02/2018 Bạc Cầm D trú tại bản C, xã M có đơn đề nghị UBND xã thanh toán tiền quán với số tiền là 6.018 000đ. Đến ngày 08/02/2018 ông D lại có đơn đề nghị UBND xã thanh nốt số tiền nợ quán với số tiền là 45. 600 000đ. Nên Lò Văn D chủ tịch xã phê vào 02 đơn đề nghị của ông Bạc Cầm D, giao cho T xếp sắp kinh phí để trả nợ cho ông Bạc Cầm D. T về nói chuyện với Lò Thị D (vợ T) lấy tiền gia đình trả trước cho ông D, D đồng ý và lấy 51.618 000đ cho T ứng trước để trả cho ông Bạc Cầm D (*T không báo lại cho D biết*).

Ngày 10/02/2018 Toán đến cửa hàng Lò Văn P rút số tiền 46.618 000đ và trích lại 1.865 000đ để cửa hàng thanh toán tiền thuế hóa đơn. Ngày 27, 28/01/2018 T đến cửa hàng Hoàng Việt P rút số tiền 90.693 000đ và trích lại 3.628 000đ để cửa hàng thanh toán tiền thuế hóa đơn. Tổng số tiền T rút từ 02 cửa hàng P, P là 137. 312 000đ trích lại 04% cho 02 cửa hàng là 5.494 000đ, còn 131.818 000đ T mang về cất giấu tại nhà và sử dụng 6.018 000đ bù vào tiền gia đình chi trước đó trả cho ông Dụng, còn 125.800 000đ Toán vẫn cất giấu tại nhà không báo cáo lãnh đạo UBND xã và nhập quỹ của xã. Đến ngày 12/02/2018 Quảng Văn T công chức Đảng ủy xã hỏi và tạm ứng 10.000 000đ để trả nợ, T đồng ý cho T ứng 10.000 000đ, còn lại 115.800 000đ, T vẫn cất giấu tại nhà riêng và dự định trả lại 45.600 000đ cho gia đình n(vợ T) đã ứng trả nợ ông D trước đó, số còn lại T sẽ sử dụng cho mục đích cá nhân, ngày 07/3/2018 đoàn Thanh tra của huyện Q đến kiểm tra việc thu chi, sử dụng ngân sách của xã UBND xã M trong năm 2017 đã phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Là Văn T, nên đoàn Thanh tra tiến hành tạm giữ số tiền 115.800 000đ tại nhà của T (Việc thu giữ tiền không ghi mệnh giá tiền, loại tiền và số seri tiền), đến ngày 08/3/2018 đoàn Thanh tra huyện đã nộp vào tài khoản của Thanh tra huyện tại kho bạc Nhà nước huyện Q chờ xử lý. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu của tội phạm nên ngày 07/4/2018 Cơ quan Thanh tra huyện Q đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra Công an huyện Q để điều tra theo thẩm quyền.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số: 10/KSĐT - KT ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với Là Văn T về tội Tham ô tài sản - Theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Là Văn T phạm tội Tham ô tài sản; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Là Văn T từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào trại thụ hình.

Không phạt tiền đối với bị cáo Là Văn T

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tuyên nộp Ngân sách Nhà nước 70.200 000đ;

Tuyên trả lại cho bà Lò Thị D 45.600 000đ số tiền trên hiện nay đang được lưu giữ tại tài khoản số: 5949.0.1020816 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Cần tuyên truy thu số tiền Thuế giá trị gia tăng = 04% của 02 cửa hàng Lò Văn P, Hoàng Việt P với số tiền là 5.493 000đ (Trong đó Lò Văn P 1.865 000đ; Hoàng Việt P 3.628 000đ)

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Biên bản tạm giữ vật chứng (tiền) với tổng số tiền bị thu giữ là 115.800 000đ. Bị cáo khai mục đích lập hóa đơn không để chuyển tiền vào tài khoản của 02 cửa hàng nhằm chiếm đoạt tư lợi cá nhân.

[3] Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Các Ngày 27/10/2017, 16/01/2018, Ngày 23/01/2018, 19/10/2017, 15/01/2018, 16/01/2018 và ngày 26/01/2018, bị cáo Là Văn T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn dùng thủ đoạn gian dối trong hoạt động kế toán để lập 10 hồ sơ chứng từ mua sắm văn phòng phẩm để quyết toán không tại 02 cửa hàng Lò Văn P ở tại: X3, xã M, huyện Q và Hoàng Việt P ở tại: X2, xã M, huyện Q, với tổng số tiền 137.312 000đ. Nhưng cần được khấu trừ đi 51. 618 000đ mà bị cáo T ứng tiền của gia đình trả nợ cho ông Bạc Cầm D và trừ đi 10.000 000đ cho Quảng Văn T văn phòng Đảng Ủy ứng trả nợ, số tiền còn lại là 70.200 000đ, bị cáo nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Do đó hành vi của bị cáo Là Văn T đã phạm tội: Tham ô tài sản - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự; “*Có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối trong tài chính kế toán làm cho chủ tài khoản không biết được, để tư lợi cá nhân, sẽ gây hậu quả về kinh tế cho ngân sách Nhà nước, nhưng do tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội; gây ảnh hưởng xấu đến An ninh, chính trị, xã hội của địa phương; bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý ngân sách của chủ tài khoản (Chủ tịch UBND xã M) lập khống hồ sơ, chứng từ mua văn phòng phẩm quý IV năm 2017 trình chủ tài khoản ký duyệt để chiếm đoạt tiền từ ngân sách của xã M, xâm hại đến quan hệ sở hữu

tài sản của Nhà nước và gây thiệt hại về kinh tế, bị phát giác, bị cáo phải thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Do vậy; cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội, nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm này nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng không có:

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Sau khi bị phát hiện tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, đã được thu hồi, nên khi lên mức hình phạt tù cũng cần xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt tù cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố là ông Là Văn Th được tặng thưởng Huân Chương Kháng Chiến chống Mỹ hạng ba, vợ bị cáo được UBND tỉnh Sơn La tặng Bằng Khen, bị cáo thì được Ủy ban các cấp tặng 08 giấy khen và gia đình bị cáo thuộc diện di dân thủy điện Sơn La, nên cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Lò Văn D - Chủ tịch UBND xã M với tư cách là chủ tài khoản. Quá trình điều tra xác định Lò Văn D không đồng phạm với bị cáo Là Văn T về hành vi tham ô tài sản, khi kế toán xã báo cáo đề xuất ký chứng từ với lý do chi văn phòng phẩm quý IV năm 2017 và chi lũy kế trả nợ các cửa hàng cho cả năm, do tin tưởng vào kế toán, đồng thời khi kế toán trình ký các chứng từ đã có chữ ký của bị cáo Là Văn T, chữ ký của thủ quỹ Lò Văn H và chữ ký của văn phòng Lò Văn P. Bị cáo Là Văn T là kế toán do UBND huyện Q bổ nhiệm có nghiệp vụ kế toán riêng (*theo chuyên ngành*) đã dùng thủ đoạn gian dối trong tài chính kế toán làm cho chủ tài khoản không biết được để thực hiện tội phạm. Nghiệp vụ kế toán của xã là nghiệp vụ đặc thù muốn quản lý tốt cần phải chuyên sâu về chuyên môn, bị cáo Là Văn T đã sử dụng sự gian dối trong khi thực hiện nghiệp vụ nên Lò Văn D không kiểm soát được; Lò Văn D là chủ tịch UBND xã trước khi ký duyệt các chứng từ không kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ do bị cáo T trình ký, ngoài ra Lò Văn D với vai trò là Chủ tịch UBND xã M thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, không thể quán xuyến hết hoạt động của kế toán xã. Do vậy; hành vi của Lò Văn D - Chủ tịch UBND xã M không cấu thành tội: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai đã chuyển các tài liệu liên quan cho cơ quan Thanh tra huyện Q để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 16/01/2019 Chủ tịch UBND huyện Q đã ra quyết định số 140/QĐ – UBND về việc kỷ luật cán bộ xã, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quyết định 07/2013 ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Sơn La bằng hình thức cảnh cáo đối với Lò Văn D là có căn cứ.

[8] Đối với số tiền 132.000 000đ do Lò Văn D - Chủ tịch UBND xã chỉ đạo bộ phận kế toán lập chứng từ quyết toán sai mục đích; Trong đó có 24.000 000đ là khoản tiền vệ sinh môi trường và 108.000 000đ là tiền dự phòng ngân sách năm 2018, số tiền trên D chỉ đạo sử dụng vào mục đích phúc lợi xã hội chung của UBND xã M, hành vi nêu trên của Lò Văn D vi phạm về thủ tục quyết toán, nhưng không có dấu hiệu vụ lợi cá nhân, thất

thoát tài sản Nhà nước (chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Luật ngân sách Nhà nước và Thông tư số 344/2016/TT - BTC); Vì vậy không có dấu hiệu của tội phạm.

[9] Đối với hành vi của 02 cửa hàng Lò Văn P, Hoàng Việt P đã lập 10 hóa đơn không là do tin tưởng vào lời nói của bị cáo Là Văn T về việc lập hóa đơn để giúp UBND xã M rút tiền về chi trả tiền tiếp khách; trong đó cửa hàng Lò Văn P ở tại X3, xã M lập 03 hóa đơn không mua văn phòng phẩm với tổng số tiền là 46.618 000đ trích lại 04% cho cửa hàng nộp thuế giá trị gia tăng (46.618 000 - 1.865 000đ = 44.753 000đ) và cửa hàng Hoàng Việt P ở tại X2, xã M lập 07 hóa đơn không mua văn phòng phẩm với tổng số tiền là 90. 693 000đ trích lại 04% cho cửa hàng nộp thuế giá trị gia tăng (90.693 000 - 3.628 000 = 87. 065 000đ). Tổng số tiền mặt bị cáo Là Văn T rút tại 02 cửa hàng Phung, Phương là 131. 818 000đ, việc 02 cửa hàng P và P chỉ xin trích lại 04% để nộp thuế GTGT là không có cơ sở và không đúng với quy định của pháp luật. Như vậy; 02 cửa hàng Lò Văn P và Hoàng Việt P vẫn được hưởng lợi trong việc lập 10 hóa đơn không giúp cho bị cáo T trong việc chiếm đoạt tiền của UBND xã M. Quá trình điều tra thấy; 02 cửa hàng P và P không có yếu tố đồng phạm với bị cáo Là Văn T về hành vi: Tham ô tài sản, không biết mục đích Tham ô tài sản (tiền) của bị cáo Là Văn T và 02 cửa hàng không được bị cáo Là Văn T chia số tiền trên. Xét thấy; Hành vi lập không 10 hóa đơn của 02 cửa hàng chưa đủ yếu tố cấu thành tội; In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn chứng từ nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật hình sự, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã chuyển các tài liệu liên quan cho Chi cục Thuế huyện Q xử lý đối với 02 cửa hàng Lò Văn P và Hoàng Việt P theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định 109/2013/NĐ - CP ngày 24/9/2013 quy định về xử phạt Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, giá, lệ phí, hóa đơn;

Chi Cục Thuế Q đã căn cứ vào Luật Quản lý Thuế số 78/2006 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Quản lý Thuế số 21/2012 ngày 20/11/2012; Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2002 ngày 20/6/2012; Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ - CP ngày 24/9/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, giá, lệ phí, hóa đơn; Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT - BTC ngày 17/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn; Căn cứ biên bản vi phạm hành chính về hóa đơn ngày 25/01/2019 tại Chi Cục Thuế Q. Ngày 28/01/2019 Chi Cục Thuế Q ra 02 Quyết định số 09/QĐ - CCT và số 10/QĐ - CCT về việc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn; Xử phạt mỗi cửa hàng là:

- Xử phạt cửa hàng anh Hoàng Việt P; Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh văn phòng phẩm với số tiền phạt là 17.500 000đ;

- Xử phạt cửa hàng ông Lò Văn P; Nghề nghiệp/ Kinh doanh văn phòng phẩm với số tiền phạt là 17.500 000đ; đều về lĩnh vực vi phạm hành chính về hóa đơn là có căn cứ chấp nhận.

Trong hồ sơ không thể hiện việc 02 cửa hàng Lò Văn P, Hoàng Việt P đã nộp đối với phần thuế giá trị gia tăng là 04% = 5.493 000đ vào Ngân sách Nhà nước; Do vậy cần truy thu để nộp Ngân sách Nhà nước đối với cửa hàng ông Lò Văn P là 1.865 000đ và cửa hàng anh Hoàng Việt P là 3.628 000đ;

[10] Đối với Lò Văn P, Hoàng Việt P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tòa án đã triệu tập họp lệ, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa; tại phiên tòa ngày 03/5/2019 (chỉ có anh Hoàng Việt P có mặt); Còn đối với ông Lò Văn P có đơn xin vắng mặt và tại phiên tòa ngày 20/6/2019 ông P và anh P đều vắng mặt không lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ; Xét thấy; Tại hồ sơ đã thể hiện ghi lời khai của ông P và anh P, nên việc vắng mặt của ông P và anh P không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; đồng thời tại phiên tòa bị cáo Là Văn Toán nhất trí về sự vắng mặt của ông P và anh P.

[11] Đối với Lò Văn H và Lò Văn P. Quán trình điều tra xác định H và P thực hiện không hết vai trò chức trách nhiệm vụ được giao, mặc dù không có tư lợi cá nhân, nhưng xét thấy; khi bị cáo Là Văn T trình ký các chứng từ đã không xem xét kỹ trước khi ký là thiếu trách nhiệm. Việc Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý về hành vi thiếu trách nhiệm của Lò Văn H, Lò Văn P là thiếu sót; Do vậy kiến nghị các Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính về hành vi thiếu trách nhiệm của Lò Văn H, Lò Văn P theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với Quảng Văn T thực hiện đúng vai trò nhiệm vụ không có tư lợi cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Là Văn T; Do vậy không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Quảng Văn T là có căn cứ.

[13] Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng: Bị cáo Là Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Tuy nhiên khi Đoàn Thanh tra huyện Q đến kiểm tra việc thu chi ngân sách năm 2017 của UBND xã M đã phát hiện bị cáo Là Văn T đang cất giữ 115.800 000đ tiền mặt tại nhà riêng không nhập thủ quỹ của xã, nên Đoàn thanh tra đã tạm thu giữ số tiền trên đồng thời cơ quan Thanh tra đã chuyển nộp vào tài khoản của Thanh tra tại kho bạc Nhà nước huyện Q chờ xử lý. Kho bạc Nhà nước huyện Q không tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật mà cho lưu thông số tiền mặt trên. Ngày 07/01/2019 Tòa án nhân dân huyện Q đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 01/2019/HSST - QĐ để điều tra bổ sung một số vấn đề: Lấy lời khai bổ sung của bị cáo T, lời khai bổ sung của ông Bạc Cầm D; lời khai bổ sung của Lò Thị D (vợ bị cáo T); Đối chất giữa T, D, giữa T và D theo Điều 189 của Bộ Luật tố tụng hình sự. Tại Công văn số 65/CV - VKSQN “ về kết quả việc thu thập chứng cứ theo yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung vụ án” ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q gửi kèm theo hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Q; trong hồ sơ thể hiện có lời khai của bị cáo Là Văn , Lò Thị D và Bạc Cầm D; không tiến hành đối chất giữa 03 người theo yêu cầu; đối với số tiền 115.800 000đ Kho bạc huyện Q đã đưa số vào lưu thông, nên Viện kiểm sát không trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra và giữ nguyên bản cáo trạng số: 10/CT - VKSQN ngày 28/01/2019 đã truy tố đối với bị cáo Là Văn T, theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa ngày 03/5/2019 quá trình xét hỏi tại phiên tòa đối với bị cáo và những người liên quan; thì hành vi thiếu trách nhiệm của Lò Văn D - Chủ tịch UBND xã M và hành vi ký không các chứng từ của Lò Văn H, Lò Văn P chưa được xem xét lý theo quy định của pháp luật và thu thập về chủng loại hàng hóa được thanh quyết toán bằng 10 hóa đơn không đề xác định % chịu thuế giá trị gia tăng; Tại Công văn số 267/CV - VKSQN “ về kết quả việc thu thập chứng cứ theo yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung vụ án” ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q thể hiện việc trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Q là không cần thiết, nhưng các nội dung theo yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Hội đồng xét

xử; mặc dù Viện kiểm sát không trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra, nhưng đã bổ sung đầy đủ theo yêu cầu của HĐXX; Đồng thời Viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên bản cáo trạng số: 10/CT - VKSQN ngày 28/01/2019 đã truy tố đối với bị cáo Là Văn T.

[14] Vật chứng vụ án: Tại Ủy nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử giữa Kho bạc huyện Quỳnh Nhai (số 3591.0.1001539) và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q (số 3949.0.10.20816) ngày 18/3/2019 Hiện nay kho bạc đang tạm giữ số tiền mặt là 115.800 000đ. (Trong đó 70.200 000đ là tiền bị cáo Là Văn T chiếm đoạt; Còn 45.600 000đ cần hoàn lại cho gia đình Là Văn T).

[15] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 353 BLHS. Qua xác minh, bị cáo hiện nay có 01 ngôi nhà sàn thương ván, lập ngôi, nhà sàn 05 gian, ngoài tài sản trên gia đình bị cáo không có tài sản nào khác, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Là Văn T phạm tội: Tham ô tài sản.

* Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Là Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào trại thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà số tiền 70.200 000đ (Bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng) do bị cáo tham ô mà có. Hiện nay số tiền trên đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1020816 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo giấy Ủy nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 18/3/2019.

Tuyên trả lại cho bà Lò Thị D 45.600 000đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Hiện nay số tiền trên đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1020816 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo giấy Ủy nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 18/3/2019.

Tuyên truy thu đối với phần trăm chênh lệch (04%) với số tiền là 5.493.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước; Trong đó:

- Cửa hàng ông Lò Văn P là 1.865.000đ.

- Cửa hàng anh Hoàng Việt P là 3.628.000đ.

Kiến nghị các Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính về hành vi thiếu trách nhiệm của Lò Văn H, Lò Văn P theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 BLTTHS và Điều 21, 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Buộc bị cáo Là Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 20/6/2019;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã./.

Nơi nhận:

- TA ND Tỉnh
- VKSND (02)
- Công an (01)
- THA hình sự
- THA dân sự
- TTHU
- UBKTĐảng
- Phòng Nội vụ
- UBND xã M
- Bị cáo
- Những người liên quan
- L- u án văn
- L- u hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Văn Hoàng